

LỊCH HỌC

Tuần 18(08/06 - 14/06/2020), Học kỳ 1-Năm học 2020-2021

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhật																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Bui T Ngoc Han(KT CN)						Qtk P.A204 K12KN										Qtk P.A306 K12KN																																	
Bui T Thu Vy(KT CN)	KT XD P.A403 K12XD					Thuc tap du toan CTGT P.H603 K11GT					Thuc tap du toan CTGT P.H604(30) K11GT					KT XD P.A204 K12XD					Thuc tap du toan CTGT P.H604(30) K11GT						KT XD P.A301 K12XD					KT XD P.A103 K12XD					Thuc tap du toan CTGT P.H604(30) K11GT												
Chau Thi Ngoc Tuyet(CBAN)	Luat kinh doanh P.A405 K12QT									Phap luat DC P.A302 K20QT									Phap luat DC P.A305 K20KT					Luat kinh doanh P.A307 K12QT									Phap luat DC P.A307 K20QT																
Dang T Minh Hieu(QTKD)	Tam ly hoc DC P.A204 K20QN/K20LK													Tong quan du lich P.A103 K19DL					Giao tiep cong dong P.A205 K20QN					Giao tiep cong dong P.A205 K19QN									Giao tiep cong dong P.A205 K20QN																
Dang Thi Ly(KTOAN)						KT thue P.A205 K12KT									HT thong tin QL P.A103 K19KT/K19NH									KT thue P.A303 K12KT																									
Đào T Ly Sa(QTKD)						HT thong tin QL P.A306 K19DL/K19QN					HT thong tin QL P.A405 K19QT					Quan ly hoc P.A202 K20QN									Quan tri hoc P.A202 K20KT/K20LK																								
Đo Anh Tuan(CBAN)	AV 2 P.A402 K19KT																													AV 2 P.A401 K19KT																			

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Do Hoang Hai(QTKD)	Khoi su KD P.A201 K11QT		Chien luoc KDDL va khach san P.A103 K11DL								Chien luoc KDDL va khach san P.A103 K11DL					KS kinh doanh(Thi CK) P.A302 K11QT																																	
Dong Ngoc Nguyen Thinh(KT CN)						LT Java NC P.H603 K12TT		Cong nghe XML P.H604(30) K12TT								Co so du lieu 1 P.H602 K19TT		Cong nghe XML P.H602 K12TT			Cong nghe Web P.H602 K11TT																												
Han Nhu Thien(KTOAN)											KT quan tri(Thi CK) P.A404 K12QT																																						
Ho Ngoc Huy(KT)						Toan kinh te P.H602 K20QN		Ky nang mem P.A203 K12DL/K12PT			PT chinh sach NN P.H603 K12KN										Ky nang mem P.A405 K12DL/K12PT																												
Le T Bao Yen(KT CN)						Tin hoc van phong P.H602 K20QN/K20KT		Cau truc du lieu> P.H602 K19TT			Tin hoc van phong P.H603 K20QT		Tin hoc van phong P.H603 K20TH			Tin hoc van phong P.H603 K20QN/K20KT			Cau truc du lieu> P.H603 K19TT																														
Le T Hong Nghia(QTKD)	Marketing Nong nghiep P.A205 K12KN															Marketing Nong nghiep P.A204 K12KN																																	
Le T Thu Trang(KT CN)						QnN P.A102 K12KN					QnN P.A204 K12KN																																						

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Nguyen T Phuong Thao(KTOAN)	TC cong ty P.A203 K12NH					NV Ngan hang(Thi CK) P.A307 K11NH/K19NH										Cong cu TC phai sinh(Thi CK) P.A302 K11NH																																	
Nguyen T Thanh Hien(CBAN)	Chu nghia XHKH P.A303 K19DL/K19NH					Chu nghia XHKH P.A303 K19TH					Triet hoc - MLN P.A103 K20LK					Triet hoc - MLN P.A102 K20KT/K20TT					Chu nghia XHKH P.A202 K19QT					Triet hoc - MLN P.A306 K20QT					Chu nghia XHKH P.A203 K19DL/K19NH					Chu nghia XHKH P.A301 K19TH													
Nguyen T To Nhu(QTKD)	NC Marketing P.H604(30) K19QT																				NC Marketing P.A202 K19QT					NC Marketing P.A202 K19QT																							
Nguyen Thanh Ba(KT CN)	Mang may tinh P.H602 K19TT															QT mang P.H604(30) K12TT																																	
Nguyen Thi Hoa(QTKD)						KD XNK(Thi CK) PH.A306 K11TM																																											
Nguyen Thiet(CDCD)	Dai so tuyen tinh P.A305 K20TT																									Dai so tuyen tinh P.A303 K20TT																							
Nguyen Van Linh(KT CN)						KT thi cong 1 P.A205 K12XD										KT thi cong 1 P.A204 K12XD																																	

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																																									
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10																						
Nguyen Xuan Nguyen(CBAN)	GDTC1		San 2 CS2_DT		K20KT		GDTC4		San 2 CS2_DT		K12TT/K12X		GDTC2		San 2 CS2_DT		K19LK		GDTC2		San 2 CS2_DT		K19QT		GDTC2		San 2 CS2_DT		K19TH		GDTC2		San 2 CS2_DT		K19KT		K19TT/K19D		PP DH The duc TH		P.A305		K11TH		GDTC3(S V Lao)		San 1 CS2_DT		K12XD/K12DL		K12DL/K12L		K11/K12TT		K12XD/K12DL		K12DL/K12L		K11/K12TT		GDTC3(S V Lao)		San 1 CS2_DT		K12DL/K12L		K11/K12TT		K12XD/K12DL		K11/K12TT	
Pham Quy Muoi(SPDN-TOAN)																					Giai tich so(Thi CK)		P.A306																																																	
Pham T Mai Quyen(KTOAN)	KT Ngan hang(Thi CK)		P.A404		K11NH		QT san xuat		P.A402		K19QT																																																													
Pham T Thuy Trang(KT CN)													KN giao tiep		P.A307		K12TT/K19TT																																																							
Phan T Thanh Truc(QTKD)	Quan tri hoc		P.A307		K20QT		QT NNL		P.A303		K19DL		QT NNL		P.A402		K19QT																																																							
Phan Trong An(TM-DHKT)							QT CL toan dien(Thi CK)		P.A403		K11QT																																																													
Tran T Thu Tram(KTOAN)			KT hanh chinh SN		P.A302		K11KT						KT hanh chinh SN		P.A102		K11KT																																																							

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																								
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10					
Truong T Kieu Van(CBAN)																																																							
Truong Thi Hong Nhung(CBAN)	Luat H.chinh P.A103 K11PT		Luat H.chinh P.A201 K11PT			Luat H.chinh P.A204 K11PT			Luat H.chinh P.A201 K11PT		Luat H.chinh P.A303 K11PT			Luat H.chinh P.A203 K11PT		Luat H.chinh P.A201 K11PT			Luat H.chinh P.A201 K11PT																																				
Vu Thi Thuong(QTKD)	TC HCBM NN P.A102 K19QN		KT hoc P.A307 K20KT/K20QT								TC HCBM NN P.A302 K19QN		KT vi mô P.A102 K20LK/K20QN			TC HCBM NN P.A201 K19QN		KT hoc P.A307 K20KT/K20QT																																					
Chu Van Tiep(DHSP-DN)																																																							
Ngo Thi Bich Thuy(DHSP-DN)																																																							
Nguyen Van Giang(KT-NN)																																																							
THI CK																																																							

